

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2024

V/v: Ly hôn giữa

chị T, anh Ph.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị T có mặt, anh Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Ph kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2004 tại UBND xã Ph, huyện H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ph không chung thủy, chị đã cố gắng níu kéo và hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả, vợ chồng đã có thời gian ly thân để hai bên hiểu nhau nhưng không thành và chính thức ly thân từ năm 2023 đến nay, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn với anh Ph. Về con chung: Vợ chồng có 02 hai con chung là Nguyễn Hương Gi, sinh ngày 29/6/2005 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 30/3/2009, cháu Gi đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị xin nhận nuôi con Nguyễn Hoàng H và không

yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2024, bị đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

Anh và chị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã Ph, huyện H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống cũng hay xảy ra cãi cọ nhau, đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Vợ chồng có 02 hai con chung là Nguyễn Hương Gi, sinh ngày 29/6/2005 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 30/3/2009, cháu Gi đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu H muốn ở với ai, anh tôn trọng ý kiến của cháu. Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2024, cháu Nguyễn Hoàng H trình bày: Cháu là con của chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Ph, nếu bố, mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ cháu là Phạm Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph; về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Hương Gi đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; giao con Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 30/3/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, anh Ph có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Ph. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác

định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Anh Ph đăng ký nhân khẩu tại tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Ph đề nghị vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét xử có mặt chị T, vắng mặt anh Ph là đúng với khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị T, anh Ph kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 13-01-2004 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi cọ nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; anh Ph cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị T, anh Ph mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh Ph là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị T, anh Ph có 02 hai con chung là Nguyễn Hương Gi, sinh ngày 29/6/2005 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 30/3/2009, cháu Gi đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Hoàng H và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung, anh Ph tôn trọng nguyện vọng của con chung, nếu cháu H muốn ở với ai thì anh cũng đồng ý; cháu H có nguyện vọng ở với chị T; xét yêu cầu xin nuôi con của chị T thấy rằng: Hiện nay con chung đang ở với chị Phái và có nguyện vọng ở với mẹ, vì vậy để đảm bảo quyền lợi chính đáng và sự phát triển ổn định của con chung, cần giao con Nguyễn Hoàng H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, anh Ph có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

[5] Về chia tài sản: Chị T, anh Ph không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Ph.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 30/3/2009 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, anh Ph có quyền thăm nom con chung mà không ai

được cản trở. Việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004357 ngày 11-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

4. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Ph, huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác